



Merkblatt für Berufskraftfahrer
Hướng dẫn thủ tục xin cấp thị thực cho người làm nghề lái xe

Vollständiger Name des Antragstellers: _____ (Họ và tên)
Staatsangehörigkeit: _____ (Quốc tịch)

Die nachfolgenden Unterlagen **IM ORIGINAL** sind bei einer Visumantragstellung bei den deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam vollständig im Rahmen einer persönlichen Vorsprache des Antragstellers vorzulegen.

*Người xin thị thực phải trực tiếp có mặt và nộp đầy đủ các giấy tờ nêu dưới đây (**nộp BẢN GỐC**) tại Cơ quan đại diện CHLB Đức tại Việt Nam.*

Es wird darum gebeten, die Dokumente in der unten aufgeführten Reihenfolge zu sortieren.

Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.

Jede Unterlage muss jeweils im Original + eine einfache (unbeglaubigte) Kopie eingereicht werden. Bitte fertigen Sie von allen Dokumenten, die nicht bereits in deutscher Sprache vorhanden sind (außer englischsprachige Unterlagen), eine Übersetzung ins Deutsche an.

Đối với mỗi giấy tờ, quý vị phải cung cấp bản gốc + 1 bản sao không cần công chứng. Quý vị vui lòng nộp kèm bản dịch ra tiếng Đức tất cả những giấy tờ không bằng tiếng Đức (trừ những giấy tờ bằng tiếng Anh).

Bitte kreuzen Sie für alle Unterlagen, die Sie vorlegen, die Kästchen in der rechten Spalte an, und unterschreiben Sie am Ende das Merkblatt auf der letzten Seite.

Đề nghị quý vị đánh dấu giấy tờ có nộp vào các ô ở cột bên phải và kí tên xác nhận ở trang cuối cùng của bản hướng dẫn

Dem Visumantrag müssen nachfolgende Unterlagen beigelegt werden:	Vom Antragsteller eingereicht <i>Người xin thị thực có nộp</i>	Nur durch VFS/AV auszufüllen <i>Chỉ điền bởi nhân viên VFS/Cơ quan đại diện Đức</i>	Anmer- kungen <i>Ghi chú</i>
Hồ sơ xin cấp thị thực phải có những giấy tờ sau:			
1. Vollständig ausgefülltes und vom Antragsteller unterschriebenes Antragsformular für nationale Visa (Online-Antragsformular „VIDEX“) <i>Tờ khai xin cấp thị thực quốc gia (thị thực dài hạn), được khai đầy đủ và có chữ ký của người nộp đơn (tờ khai trực tuyến „VIDEX“).</i>			
2. Zwei aktuelle biometrische Passfotos (45mm x 35mm) (Fotomustertafel) Bitte kleben Sie nur ein Passfoto auf das Antragsformular auf und legen Sie das zweite lose bei. <i>Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học, cỡ 45 mm x 35mm (Hướng dẫn về ảnh chụp xin cấp thị thực). Đề nghị quý vị dán 1 ảnh vào tờ khai xin cấp thị thực và nộp 1 ảnh để rời.</i>			
3. Gültiger Reisepass (oder anerkanntes Passersatzdokument) <i>Hộ chiếu có giá trị (hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu được công nhận).</i>			
4. Tabellarischer und lückenloser Lebenslauf Insbesondere mit Darstellung der bisherigen Ausbildung bzw. Berufstätigkeit <i>Lý lịch theo trình tự thời gian liên tục bằng tiếng Đức. Đặc biệt phải trình bày quá trình đào tạo hoặc nghề nghiệp từ trước đến nay.</i>			
(Optional) Vorabzustimmung der Bundesagentur für Arbeit bzw. der Ausländerbehörde			



Sollte Ihr Arbeitgeber bereits vor Beginn des Visumverfahrens die Zustimmung der Bundesagentur für Arbeit oder der zuständigen Ausländerbehörde in Deutschland eingeholt haben, verkürzt sich die Bearbeitungszeit in der Auslandsvertretung wesentlich. (Tùy chọn, không bắt buộc) Văn bản đồng ý trước với việc nhập cảnh của Cơ quan Lao động liên bang Đức hoặc Sở Ngoại kiều tại Đức <i>Nếu người sử dụng lao động đã nhận được sự chấp thuận của Cơ quan Lao động liên bang Đức hoặc Sở Ngoại kiều có thẩm quyền tại Đức trước khi bắt đầu làm thủ tục xin thị thực, thì thời gian xử lý hồ sơ thị thực tại Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán Đức sẽ được rút ngắn đáng kể.</i>			
5. Kopie des Führerscheins Die Kopie Ihres Führerscheins muss die Vorder- und Rückseite zeigen. Bitte bringen Sie unbedingt auch das Original mit zum Termin für die Antragsabgabe und zeigen Sie es vor, damit die Übereinstimmung bestätigt werden kann. Kopien ohne Vorlage des Originals sind nicht ausreichend. Bản photo giấy phép lái xe <i>Phải photo mặt trước và mặt sau giấy phép lái xe. Khi đến nộp hồ sơ thị thực, quý vị nhất thiết phải mang theo và xuất trình bản chính giấy phép lái xe để đối chiếu. Bản photo không có bản chính để đối chiếu không được chấp nhận.</i>			
6. Konkretes Arbeitsplatzangebot Arbeitsvertrag oder verbindliche Arbeitsplatzzusage im Original Thông báo tuyển dụng cụ thể <i>Hợp đồng lao động hoặc thư mời nhận việc.</i>			
7. Erklärung zum Beschäftigungsverhältnis inkl. Zusatzblatt C Die Erklärung bezieht sich auf die Beschäftigung, die Sie während der Qualifizierungsmaßnahme ausüben werden. Das Formular (Link: Erklärung zum Beschäftigungsverhältnis) muss vom zukünftigen Arbeitgeber vollständig ausgefüllt und im Original vorgelegt werden. Das gilt auch für das Zusatzblatt C. In dieser Erklärung bestätigen Ihr Arbeitgeber, welchen Führerschein Sie haben, über welche Grundqualifikation Sie verfügen und wie der weitere Weg bis zu Ihrem Einsatz im gewerblichen Güterverkehr aussehen wird. <u>Bản tuyên bố về quan hệ lao động có phụ lục C kèm theo</u> <i>Bản tuyên bố đề cập tới công việc mà quý vị sẽ làm trong thời gian đào tạo nghiệp vụ tại Đức. Bản tuyên bố theo mẫu (Link: Erklärung zum Beschäftigungsverhältnis) phải được người sử dụng lao động tại Đức điền đầy đủ. Phải nộp bản chính bản tuyên bố này. Điều này cũng áp dụng đối với phụ lục C kèm theo (mẫu: Zusatzblatt C). Trong phụ lục C, người sử dụng lao động xác nhận quý vị có giấy phép lái xe hạng gì, có nghiệp vụ lái xe cơ bản nào và bước tiếp theo sẽ như thế nào cho đến khi quý vị có thể làm việc trong lĩnh vực vận tải hàng hóa thương mại.</i>			
8. Erklärung zum Beschäftigungsverhältnis für den künftigen Arbeitsplatz Für das Arbeitsplatzangebot nach Abschluss der Qualifizierungsmaßnahme muss Ihr Arbeitgeber eine gesonderte Erklärung zum Beschäftigungsverhältnis vollständig ausfüllen. Auch diese legen Sie im Original vor. Bản tuyên bố về quan hệ lao động cho công việc sau này <i>Người sử dụng lao động tại Đức phải điền đầy đủ một bản tuyên bố về quan hệ lao động riêng cho công việc mà quý vị sẽ làm sau khi hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ. Quý vị cũng phải nộp bản chính của bản tuyên bố này.</i>			
19. Nachweis über ausreichenden Krankenversicherungsschutz für die Einreise			



gültig ab dem gewünschten Einreisetag und bis zum Beginn der Arbeitsaufnahme.

Bảo hiểm y tế

Chứng nhận có đủ bảo hiểm y tế cho thời gian từ ngày dự định nhập cảnh đến ngày bắt đầu làm việc.

Bitte beachten Sie: Bei Fachkräften ab 45 Jahren muss unter Umständen eine angemessene Altersvorsorge nachgewiesen werden. Bitte kontaktieren Sie vor der Beantragung die Auslandsvertretung für nähere Informationen.

Xin lưu ý: Trong trường hợp nhất định, người có trình độ chuyên môn từ 45 tuổi trở lên có thể phải nộp bằng chứng về việc có lương hưu hợp lý. Quý vị vui lòng liên hệ với Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán Đức để biết thêm thông tin.

Durch meine Unterschrift bestätige ich, dass ich folgende Informationen verstanden habe:

Für die Dauer der Bearbeitung meines Visumantrags verbleibt der Reisepass bei der Visastelle der deutschen Auslandsvertretung.

Unvollständig abgegebene Antragsunterlagen können eine längere Bearbeitungsdauer notwendig machen oder zu einer Ablehnung des Visumantrags führen.

Verweigerte, bewusst falsche oder unvollständige Angaben im Visumverfahren können ein Ausweisungsinteresse begründen.

Die deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam behalten sich das Recht vor, weitere, über die o.g. Liste hinausgehende Unterlagen oder Informationen bei Bedarf nachzufordern.

Với việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã hiểu rõ các thông tin sau:

Hộ chiếu của tôi sẽ được lưu tại Phòng Thị thực của Cơ quan đại diện CHLB Đức trong thời gian xử lý hồ sơ xin cấp thị thực.

Việc nộp hồ sơ không đầy đủ giấy tờ có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối.

Việc từ chối cung cấp thông tin, cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ trong quá trình xin cấp thị thực có thể là lý do để trục xuất.

Ngoài những giấy tờ nêu trên, Cơ quan đại diện CHLB Đức có quyền yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ hoặc thông tin khác nếu cần thiết.

Ort und Datum/Địa điểm và ngày

Unterschrift des Antragstellers/Chữ ký của người nộp đơn